

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **267/2021/HNGĐ-ST.**

Ngày: 05/5/2021.

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Bà Mai Thị Thu Dung

*Các Hội thẩm nhân dân* : 1. Bà Nguyễn Minh Trí

2. Ông Nguyễn Quốc Cường

**- Thư ký phiên tòa** : Bà Phạm Thanh Hà -

là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Phú Nhuận** tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 810/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H sinh năm: 1988

Thường trú: 72/19/5 PDL, Phường 5, QP TP H.

Nơi ở hiện nay: 52L TBT, P 5, QB, TP H.

(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Nguyễn Đình Thái Hùng thuộc Văn phòng Luật sư Thái Hùng - Đoàn Luật sư Thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Bị đơn: Ông Chu Quốc H1 sinh năm: 1988

Thường trú: 72/19/5 PDL, P5, QP, TP H.

Nơi ở hiện nay: 52L TBT, P5, QB, TP H.

(có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2020 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Chu Quốc H1 tự nguyện chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND P5, Quận P, TPH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 09/3/2016.

Thời gian đầu mới kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, cùng nhau cố gắng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, hơn 01 năm trở lại đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân. Trong quá trình chung sống, ông H1 đã nhiều lần hành hung, đánh đập bà, ngoài ra mâu thuẫn giữa gia đình chồng với bà cũng ngày càng trầm trọng, gây ảnh hưởng không tốt đến việc nuôi dạy các con.

Ngày 02/12/2019, bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Tuy nhiên, sau đó bà phát hiện có thai nên bà đã rút đơn ly hôn.

Sau khi bà sinh bé thứ hai (trẻ Chu Thiên H3 thì ngày 06/10/2020, do mâu thuẫn trong việc chăm sóc hai con bị bệnh nên ông H1 đã đánh đập bà trước mặt con. Nhận thấy, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng tan vỡ sau nhiều lần mâu thuẫn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Chu Quốc H1.

*Về con chung:* có 02 con chung là trẻ Chu Thiên H2, sinh ngày 09/3/2019 và Chu Thiên H3, sinh ngày 17/7/2020.

Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 trẻ đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông H1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Chu Quốc H1 trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Về thời gian xây dựng gia đình và tình trạng quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H đúng như lời bà H vừa trình bày.

Nay, bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* có 02 trẻ là Chu Thiên H2 sinh ngày 09/3/2019 và Chu Thiên H3 sinh ngày 17/7/2020. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 trẻ đến khi trưởng thành. Ông không yêu cầu bà H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Ông dành quyền nuôi con vì ông cho rằng bà H nóng tính, mất kiểm soát trong mọi vấn đề. Theo quan điểm ông thì cách nuôi dạy con của bà H không phù hợp. Bà H không biết sắp xếp công việc khoa học, hợp lý và không có người hỗ trợ để chăm sóc hai trẻ được chu đáo. Hơn nữa, hiện nay bà H cũng như gia đình bên ngoại (cha mẹ bà H) đều đang đi ở nhà thuê và không có nơi ở ổn định. Còn ông về mặt kinh tế, ngoài khoản thu nhập chung của hai vợ chồng, ông còn có 01 quán cà phê đang kinh doanh tại địa chỉ số 58 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP HCM. Ngoài ra, sau khi ly hôn gia đình ông sẽ trả lại cho ông cửa hàng kinh doanh trangphuchonghanh.com tại địa chỉ số 72/19/5 PDL, P5, QP, TP H. Hiện tại ông đang kinh doanh, môi giới bất động sản tại Công ty bất động sản Thiên Khôi. Về tinh thần, ông rất bình tĩnh và nhẹ nhàng giải quyết mọi vấn đề. Về nơi ở, hiện tại ông có nhiều bất động sản ở Yên Bái, gia đình ông có căn nhà tại số 72/19/5 PDL, P5, QP do ông đứng tên.

*Về tài sản chung và nợ chung:* hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau**

**toàn bộ nội dung vụ án. Do đó, Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử.**

***Tại phiên tòa hôm nay:***

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông H1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà H nộp đơn ly hôn với ông H1. Ông H1 đồng ý thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Về con chung: có 02 con chung là trẻ Chu Thiên H2 sinh ngày 09/3/2019 và Chu Thiên H3 sinh ngày 17/7/2020.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Hiện nay, hai đứa trẻ là con chung của bà H và ông H1 đều dưới 36 tháng tuổi, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc được nuôi hai trẻ H2 và H3 đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Nguyên đơn bà H trình bày:* Thống nhất với ý kiến luật sư vừa trình bày ở trên.

*- Bị đơn ông H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: có 02 con chung là trẻ Chu Thiên H2 sinh ngày 09/3/2019 và Chu Thiên H3 sinh ngày 17/7/2020.

Hiện nay, về thu nhập chung của hai vợ chồng được mỗi tháng khoảng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, chia đều ra mỗi người là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Ngoài ra, ông còn có khoản thu nhập riêng mà ông không tiện trình bày tại phiên tòa. Ông khẳng định ông chăm sóc hai con rất tốt, khi con ốm đau ông là người đưa con đi khám bệnh, lo cho con ăn uống đầy đủ. Hiện nay, ông có thuê căn hộ Botanic ở Quận Phú Nhuận để ở nên ông lo được chỗ ở ổn định cho các con, ngoài ra còn có mẹ ruột ông cùng ở để hỗ trợ ông trong việc chăm sóc các con. Ông thừa nhận trong mấy tháng gần đây, ông không chăm sóc con cái vì ông muốn xem khả năng bà H chăm sóc con có được chu đáo hay không. Thực tế bà H chăm sóc con không tốt bằng ông, vì vừa làm việc vừa chăm con nên bà H phải nhờ nhân viên làm chung hỗ trợ việc trông con. Tâm lý bà H không được ổn định, môi trường sống không tốt cho con cái trưởng thành. Do vậy, ông đề nghị được nuôi hai trẻ đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Phú Nhuận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn giải quyết vụ án đã quá thời hạn xét xử theo luật định.

Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông H1. Về con chung: có 02 con chung là trẻ Chu Thiên H2 sinh ngày 09/3/2019 và Chu Thiên H3 sinh ngày 17/7/2020. Ngoài ý kiến trình bày ra thì ông H1 không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh về thu nhập, nơi ở ổn định cũng như không chứng minh được bà H không đủ kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai trẻ. Do đó, không có cơ sở để xem xét yêu cầu của ông H1 về việc được nuôi hai trẻ đến khi trưởng thành. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai trẻ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ vào đơn xin ly hôn cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy bị đơn ông Chu Quốc H1 có hộ khẩu thường trú tại QP, TPH nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Trần Thị H và ông Chu Quốc H1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy cuộc sống chung giữa bà H và ông H1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H và ông H1 đồng ý thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Chu Quốc H1.

- *Về con chung:*

Trong quá trình chung sống, bà H và ông H1 có 02 con chung là trẻ Chu Thiên H2 sinh ngày 09/3/2019 và Chu Thiên H3 sinh ngày 17/7/2020. Bà H và ông H1 đều dành quyền được nuôi hai trẻ đến khi trưởng thành và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: trong vụ án này về quan hệ hôn nhân thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã thuận tình ly hôn, ở đây các bên trong vụ án chỉ tranh chấp về quyền nuôi con. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh về thu nhập, khả năng tài chính, chỗ ở để Tòa án làm cơ sở xem xét về yêu cầu nuôi con chung của các bên. Tuy nhiên, chỉ bà H cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ như: sao kê giao dịch tài khoản ngân hàng; hợp đồng lao động, hợp đồng thuê nhà; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; phiếu lương tháng 12/2020... Riêng ông H1 không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh rằng lời trình bày của ông thể hiện trong bản tự khai, biên bản hòa giải, lời khai tại phiên tòa là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét về yêu cầu của ông là được quyền nuôi hai trẻ. Các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ nào khác.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

*“4. Thời hạn giao nộp tài liệu, chứng cứ do Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc ấn định nhưng không được vượt quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị giải quyết việc dân sự theo quy định của Bộ luật này.*

*Trường hợp sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự, đương sự mới cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã yêu cầu giao nộp nhưng đương sự không giao nộp được vì có lý do chính đáng thì đương sự phải chứng minh lý do của việc chậm giao nộp tài liệu, chứng cứ đó”.*

Hiện nay hai trẻ còn nhỏ, đều dưới 36 tháng tuổi nên việc chăm sóc hai trẻ cần giao cho người mẹ là bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông H1 cho rằng bà H không có đủ khả năng, không đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên, ngoài lời trình bày ra thì ông H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Chu Quốc H1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 09/3/2016 của Ủy ban nhân dân P5, QP, TPH cấp cho bà Trần Thị H và ông Chu Quốc H1 không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: có 02 con chung là trẻ Chu Thiên H2 sinh ngày 09/3/2019 và Chu Thiên H3 sinh ngày 17/7/2020.

Giao bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ H2 và H3 đến khi trưởng thành.

Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông H1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Ông H1 có quyền thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết bà H, ông H1 đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**2. Về án phí:** Án phí của vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng, bà Trần Thị H phải chịu nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019387 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

**3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

**4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.**

***Nơi nhận:***

- TAND TP HCM;
- VKSND Quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS Quận Phú Nhuận;
- UBND Phường 5, Quận Phú Nhuận;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thu Dung**

